

Ngày 17 tháng 12 năm 2025

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng Cộng		
			Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
Hôm trước chuyển sang					0
Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày			20,212.77	752	15,200,000
Được chi trong ngày					15,200,000
Đã chi trong ngày					15,200,000
1. Dịch vụ					1,512,000
1	Dịch vụ thu		0	392	0
2	Dịch vụ thu		4,200	360	1,512,000
3			0	360	0
2. Kho					2,390,112
 Ăn chính					2,390,112
1	Gạo tẻ	Kg	18,000	34	612,000
2	Sữa Dielac Super Star	Kg	254,016	7	1,778,112
3. Đi chợ					11,297,888
 Ăn sáng					3,888,000
1	Cà chua	Kg	30,000	4	120,000
2	Cà rốt (củ đỏ, vàng)	Kg	25,000	5	125,000
3	Dưa chuột (dưa leo)	Kg	25,000	4	100,000
4	Hành củ tươi	Kg	60,000	1	60,000
5	Rau thơm các loại	Kg	40,000	2	80,000
6	Tỏi	Kg	150,000	1	150,000
7	Dầu thực vật	Chai	50,000	1.5	75,000
8	Thịt nạc dăm, ba chỉ, thịt đùi	Kg	130,000	12.9	1,677,000
9	Trứng gà	Quả	4,000	149.8	599,200
10	Đường cát	Kg	30,000	2	60,000
11	Nước mắm cá loại I	Chai	25,000	1.5	37,500
12	Muối iốt	Gói	4,000	2.33	9,300
13	Ngò rí	Kg	50,000	1.5	75,000
14	Hành lá	Kg	50,000	1.5	75,000
15	Củ cái	Kg	20,000	4	80,000
16	Bún tươi	Kg	18,000	25	450,000
17	Ốt chuông	Kg	70,000	1	70,000
18	Dấm ăn	Chai	15,000	3	45,000
 Ăn chính					7,409,888
1	Khoai lang	Kg	35,000	4	140,000
2	Khoai tây	Kg	22,000	4	88,000
3	Cà chua	Kg	30,000	4	120,000
4	Cà rốt (củ đỏ, vàng)	Kg	25,000	4.5	112,500
5	Củ dền	Kg	30,000	4.5	135,000
6	Củ sắn	Kg	20,000	3.5	70,000
7	Hành củ tươi	Chai	80,000	1.3	104,000
8	Hành tây	Kg	20,000	1.5	30,000
9	Su su	Quả	12,000	6	72,000
10	Tỏi	Kg	150,000	1	150,000
11	Thơm (Dứa)	Chai	25,000	6	150,000
12	Dầu thực vật	Gói	50,000	1.9	95,000
13	Thịt nạc dăm, ba chỉ, thịt đùi	Kg	130,000	10	1,300,000
14	Cá thu	Kg	250,000	8	2,000,000
15	Đường cát	Kg	30,000	2.1	63,000
16	Nước mắm cá loại I	Kg	25,000	1.4	35,000

17	Bột bắp	Kg	60,000	1.9	114,000
18	Muối iốt	Chai	4,000	1.65	6,588
19	Rau tần ô	Bó	15,000	4	60,000
20	Ngò rí	Kg	50,000	1.9	95,000
21	Hành lá	Kg	50,000	1.4	70,000
22	Sữa chua uống Ánh Hồng	Chai	4,400	392	1,724,800
23	Nấm mèo (Mộc nhĩ)	Kg	150,000	0.5	75,000
24	Bánh mì Sandwich (Bánh mì lạ)	Gói	20,000	30	600,000
Chi kho lũy kế từ đầu tháng					31,315,556
Chi chợ lũy kế từ đầu tháng					145,538,044
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng					9,725
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng					196,455,000
Đã chi lũy kế từ đầu tháng					196,455,000
Chênh lệch cuối ngày					

Kế toán

Phạm Thị Nga

Phó hiệu trưởng


Phạm Thị Hồng Huế